

phận doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

- Bảo đảm các hoạt động trong vận hành mạng lưới và cung cấp các dịch vụ cho khách hàng và chuyển giao các quyền và nghĩa vụ hợp pháp giữa Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tập đoàn được liên tục.

4. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Bưu chính, Viễn thông và Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam trong việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng các Bộ: Bưu chính, Viễn thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

QUYẾT ĐỊNH số 61/2005/QĐ-TTg
ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông (sau đây gọi chung là cán bộ Đoàn, Hội) nhằm phát huy vai trò của công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Liên hiệp thanh niên trong nhà trường với trách nhiệm là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn, Hội là giảng viên, giáo viên, cán bộ không trực tiếp giảng dạy

1. Quy định thời gian làm công tác Đoàn, Hội tính theo định mức giờ chuẩn:

a) Đối với các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có dưới 5.000 sinh viên, học sinh:

- Bí thư Đoàn trường là giảng viên, giáo viên thì thời gian làm công tác Đoàn được tính bằng 50% định mức giờ chuẩn; là cán bộ không trực tiếp giảng dạy thì được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn.

- Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên thì thời gian làm công tác Đoàn, Hội được tính bằng 30% định mức giờ chuẩn; là cán bộ không trực tiếp giảng dạy thì được

dành 30% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

b) Đối với các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có từ 5.000 sinh viên, học sinh đến dưới 10.000 sinh viên, học sinh:

- Bí thư Đoàn trường là giảng viên, giáo viên thì thời gian làm công tác Đoàn được tính bằng 60% định mức giờ chuẩn; là cán bộ không trực tiếp giảng dạy thì được dành 60% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn.

- Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên thì thời gian làm công tác Đoàn, Hội được tính bằng 40% định mức giờ chuẩn; là cán bộ không trực tiếp giảng dạy thì được dành 40% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

c) Đối với các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có từ 10.000 sinh viên, học sinh trở lên:

- Bí thư Đoàn trường là giảng viên, giáo viên thì thời gian làm công tác Đoàn được tính bằng 70% định mức giờ chuẩn; là cán bộ không trực tiếp giảng dạy thì được dành 70% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn.

- Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên thì thời gian làm công tác Đoàn, Hội được tính bằng 50% định mức giờ chuẩn; là

cán bộ không trực tiếp giảng dạy thì được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

d) Đối với các trường trung học phổ thông, trường bổ túc văn hóa và trung tâm giáo dục thường xuyên:

- Thời gian làm công tác Đoàn của Bí thư (hoặc trợ lý Thanh niên, cố vấn Đoàn, sau đây gọi chung là Trợ lý thanh niên) các trường dưới 28 lớp được tính bằng 70% định mức giờ chuẩn/tuần; các trường từ 28 lớp trở lên dạy 2 tiết/tuần.

- Thời gian làm công tác Đoàn của Phó Bí thư các trường dưới 28 lớp được tính bằng 35% định mức giờ chuẩn/tuần; các trường từ 28 lớp trở lên được tính bằng 50% định mức giờ chuẩn/tuần.

Các quy định về số lượng sinh viên ở điểm a, điểm b và điểm c trên đây chỉ tính đối với sinh viên hệ chính quy. Cán bộ đoàn, Hội tham gia giảng dạy thì được hưởng chế độ vượt giờ theo quy định.

2. Phụ cấp cho cán bộ Đoàn, Hội trong trường học:

a) Đối với các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề:

- Bí thư Đoàn trường được hưởng phụ cấp như Trưởng phòng nghiệp vụ.

- Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được hưởng phụ cấp như Phó Trưởng phòng nghiệp vụ.

b) Đối với các trường trung học phổ

thông, trường bổ túc văn hóa và trung tâm giáo dục thường xuyên:

Bí thư, Phó Bí thư Đoàn, trợ lý thanh niên và Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được hưởng phụ cấp như Tổ trưởng chuyên môn hoặc Trưởng bộ môn.

c) Trường hợp cán bộ Đoàn, Hội là giảng viên, giáo viên, cán bộ giữ chức vụ có phụ cấp tương đương hoặc cao hơn phụ cấp Trưởng phòng nghiệp vụ, Phó Trưởng phòng nghiệp vụ, Tổ trưởng chuyên môn hoặc Trưởng bộ môn thì được hưởng mức phụ cấp cao nhất.

3. Quy định về cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội trong trường học:

a) Cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội trong trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề:

- Các trường có dưới 5.000 sinh viên, học sinh bố trí tối thiểu 01 cán bộ chuyên trách.

- Các trường có từ 5.000 đến dưới 10.000 sinh viên, học sinh bố trí tối thiểu 02 cán bộ chuyên trách.

- Các trường có từ 10.000 sinh viên, học sinh trở lên bố trí tối thiểu 03 cán bộ chuyên trách.

b) Các trường trung học phổ thông, trường bổ túc văn hóa và trung tâm giáo dục thường xuyên có từ 28 lớp trở lên bố trí tối thiểu 01 cán bộ chuyên trách.

Điều 3. Các quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ Đoàn, Hội là sinh viên, học sinh

1. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, Bí thư, Phó Bí thư Đoàn trường; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Sinh viên và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được ưu tiên cộng điểm đánh giá kết quả rèn luyện, xét cấp học bổng, giới thiệu việc làm và hỗ trợ thêm về điều kiện làm việc, học tập theo khả năng, tình hình thực tế của từng trường.

2. Nhà trường có trách nhiệm hỗ trợ hoạt động phí cho Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, Bí thư, Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên cấp trường là sinh viên, học sinh. Mức hỗ trợ vận dụng phù hợp với điều kiện và khả năng của nhà trường.

3. Nhà trường có trách nhiệm tạo điều kiện cho cán bộ Đoàn, Hội học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm về kinh phí, cơ sở vật chất cho tổ chức Đoàn, Hội hoạt động; các trường vận dụng cụ thể hóa chế độ, chính sách cho các đối tượng cán bộ Đoàn, Hội khác phù hợp với yêu cầu công tác và điều kiện của nhà trường.

Điều 4. Chế độ chính sách đối với cán bộ Đoàn, Hội trong các trường ngoài công lập

Các trường ngoài công lập căn cứ quyết định này để vận dụng thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ Đoàn, Hội phù hợp với điều kiện và khả năng kinh phí của nhà trường.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ hiệu lực thi hành các quy định về chế độ chính sách cán bộ Đoàn, Hội trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông đã ban hành trước đây:

a) Điều 4 khoản 2 Quyết định số 243/CP ngày 28 tháng 6 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về tổ chức bộ máy, biên chế của các trường phổ thông.

b) Điểm V phần B Thông tư số 21/TT-GD ngày 10 tháng 12 năm 1968 của Bộ Giáo dục; Điều 4 Quyết định số 1419/QĐ ngày 07 tháng 01 năm 1976 của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp; Điều 12 Quyết định số 1712/QĐ-BĐH ngày 18 tháng 12 năm 1978 của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp; Mục VI Thông tư số 49/TT ngày 29 tháng 11 năm 1979 của Bộ Giáo dục; Công văn số 1196/TCCB ngày 08 tháng 4 năm 1988 của Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Quyết định này được bố trí trong kinh phí hoạt động của các trường, cơ sở giáo dục đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ủy ban Quốc gia về Thanh niên Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

**QUYẾT ĐỊNH số 62/2005/QĐ-TTg
ngày 24/3/2005 của Thủ tướng
Chính phủ về chính sách hỗ
trợ thực hiện phổ cập giáo
dục trung học cơ sở.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng
12 năm 1998;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2001/NĐ-CP
ngày 22 tháng 11 năm 2001 của Chính
phủ về thực hiện phổ cập giáo dục trung
học cơ sở;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2000/NĐ-CP
ngày 30 tháng 8 năm 2000 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ đối với thanh, thiếu niên Việt Nam trong độ tuổi 11 đến 18, học bậc trung học cơ sở, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo quy định của Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng được hỗ trợ

1. Học sinh là con liệt sĩ;

2. Học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, con của quân nhân bị tai nạn lao động mất sức lao động từ 81% trở lên;

3. Học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, con của quân nhân bị tai nạn lao động mất sức lao động từ 61% đến 80%;